

Số: **34** /QĐ-THVN

Hà Nội, ngày **13** tháng **01** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 60/2022/NĐ-CP ngày 08/09/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài THVN;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-TTg ngày 06/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1571/QĐ-THVN ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Đài THVN về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

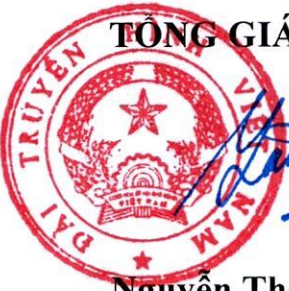
Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Đài tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Đài;
- Lưu:VT, KHTC (4b).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Lâm



Phụ lục

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 34 /QĐ-THVN ngày 13 / 01 /2025 của Tổng Giám đốc Đài THVN)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng ngân sách					
			Trường Cao đẳng truyền hình	Ban Truyền hình tiếng dân tộc	Ban Truyền hình đối ngoại	Ban Khoa giáo	Ban Thời sự	Ban Thư ký biên tập
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	13.409	13.409					
1	Thu học phí và phí khác	13.409	13.409					
1.1	Thu học phí	7.409	7.409					
1.2	Thu phí khác							
1.3	Thu khác (dịch vụ)	6.000	6.000					
2	Chi từ nguồn thu được để lại	13.409	13.409					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN							
B	Dự toán chi NSNN	203.540	17.370	171.660	7.407	2.237	1.563	3.303
I	Dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước (không bao gồm chi các Chương trình mục tiêu quốc gia)	203.540	17.370	171.660	7.407	2.237	1.563	3.303
1	Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - Khoản 093)	26.070	17.370	8.700				
-	Kinh phí thường xuyên/ Tự chủ	6.959	6.959					
	Quỹ lương	6.959	6.959					
	Chi hoạt động chuyên môn, quản lý							
-	Kinh phí không thường xuyên/ Không tự chủ	19.111	10.411	8.700				
+	KP thực hiện các chính sách cho học sinh, sinh viên	10.411	10.411					
	Kinh phí thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021	10.306	10.306					
	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số theo Quyết định 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013	105	105					
+	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác	8.700		8.700				
	Kinh phí đào tạo thuộc dự án: Tăng cường năng lực sản xuất và phát sóng chương trình truyền hình tiếng dân tộc	8.700		8.700				
2	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn (Loại 190 - Khoản 201)	165.500		162.960	2.540			
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	165.500		162.960	2.540			
	Dự án Nâng cao năng lực sản xuất chương trình truyền hình tiếng dân tộc - Ban THPTDT	162.960		162.960				
	Tổ chức thông tin, tuyên truyền năm 2025 Tôn vinh Tiếng Việt	2.540			2.540			
3	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Loại 250 - Khoản 278)	11.970			4.867	2.237	1.563	3.303
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.970			4.867	2.237	1.563	3.303
	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường	11.970			4.867	2.237	1.563	3.303
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		KBNN Thường Tín, Hà Nội	KBNN Hà Nội	KBNN Hà Nội	KBNN Hà Nội	KBNN Ba Đình	KBNN Ba Đình
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		0030	0011	0011	0011	0012	0012

Mb